

Số: 919 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục 37 thủ tục hành chính
trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BNNMT ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 501/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 37 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ tên 37 thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre được ban hành kèm theo:

1. Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 20 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành

mới trong lĩnh vực trồng trọt thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 03 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

4. Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

5. Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực phí, lệ phí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

6. Quyết định 3029/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực thuế thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

7. Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

8. Quyết định số 1105/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực biển hải đảo thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng KT, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, PVN.



Trần Ngọc Tam

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 949 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Danh mục thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính (Mã số)	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC	Địa điểm thực hiện TTHC	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố TTHC	Mức độ Dịch vụ công
I. Lĩnh vực: Đất đai (23 TTHC)					
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012771)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012773)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
3	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Một phần

	pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân (1.012774)				
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012775)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
5	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012776)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
6	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012777)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Một phần
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân (1.012778)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
8	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Một phần

	Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân (1.012779)				
9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần

	và chưa được Nhà nước giao đất ở (1.012780)				
10	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân (1.012806)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất (1.012814)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
12	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (1.012817)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
13	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (1.012796)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
14	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012818)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông (1.012816)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

16	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư (1.012807)		Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
17	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất (1.012808)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
18	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư (1.012809)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Một phần
19	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân (1.012810)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2563/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
20	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (1.012811)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Trụ sở tiếp công dân cấp huyện		
21	Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
22	Thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện		Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến
23	Thủ tục thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2708/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của Ủy ban	Dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến

				nhân dân tỉnh Bến Tre	
--	--	--	--	--------------------------	--

II. Lĩnh vực trồng trọt (01 TTHC)

24	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Quyết định số 2352/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
----	---	---------------------------	--	---	----------

III. Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)

25	Cấp giấy phép môi trường (1.010723)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre https://dichvucong.bentre.gov.vn	Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
26	Cấp đổi giấy phép môi trường (1.010724)				Toàn trình
27	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (1.010725)	Ủy ban nhân dân cấp huyện			Toàn trình
28	Cấp lại giấy phép môi trường (1.010726)				Một phần

IV. Lĩnh vực phí, lệ phí (01 TTHC)

29	Kê khai, thẩm định tờ khai nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp (1.008603)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống	Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân	Toàn trình
----	---	---------------------------	--	---	------------

			thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre https://dichvu.cong.bentre.gov.vn	tỉnh Bến Tre	
--	--	--	---	--------------	--

V. Lĩnh vực Thuế (01 TTHC)

30	Khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải (1.013040)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Bến Tre https://dichvu.cong.bentre.gov.vn	Quyết định số 3029/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Toàn trình
----	---	---------------------------	--	---	------------

VI. Lĩnh vực Tài nguyên nước (02 TTHC)

31	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (1.001662)	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
32	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện) (1.001645)				Một phần

VII. Lĩnh vực biển hải đảo (05 TTHC)

33	Giao khu vực biển (1.009483)	Ủy ban nhân dân	Bộ phận tiếp nhận và trả	Quyết định số 1105/QĐ-	Một phần
----	------------------------------	-----------------	--------------------------	------------------------	----------

34	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (1.009484)	cấp huyện	kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện	UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Một phần
35	Trả lại khu vực biển (1.009485)				Một phần
36	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (1.009486)				Một phần
37	Công nhận khu vực biển (1.009482)				Một phần